

Bản án số: 105/2024/DS – ST
Ngày: 29 - 7 - 2024
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tô Cẩm Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh An;

Ông Võ Trường Tam;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2024/TLST- DS, ngày 05 tháng 4 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2024/QĐXXST - DS, ngày 13 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần K;

Địa chỉ trụ sở chính: Số A, đường T, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M – Chủ tịch HĐQT K.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng C – Chuyên viên xử lý nợ khu vực – Phòng xử lý nợ - Ngân hàng thương mại cổ phần K (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số B, đường M, phường S, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 2051 ngày 25/7/2024).

- *Bị đơn:* Bà Mai Thị Bích N, sinh năm 1995;

Cư trú tại: Ấp Y, xã L, huyện G, tỉnh Long An (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K là ông Nguyễn Hoàng C trình bày: Bà Mai Thị Bích N có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần K (Sau đây viết là Ngân

hàng) theo Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng Quốc tế K số 0078/18/TC/1913-03994 ngày 24/8/2018 với nội dung như sau: Hạn mức cấp tín dụng là 20.000.000 đồng; loại thẻ phát hành là Thẻ tín dụng Visa; mục đích là tiêu dùng; thời hạn sử dụng là 36 tháng; lãi suất vay là 22%/năm, phí chậm trả là 3,5%/kỳ, phí vượt hạn mức là 0,075%/ngày. Từ ngày 10/9/2018, bà N đã sử dụng vốn trong thẻ và không thanh toán lại đúng hạn cho Ngân hàng nên bà N đã vi phạm các thỏa thuận với Ngân hàng.

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu bà N trả lại nợ gốc, lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm – ngày 29/7/2024 là 66.275.856 đồng, trong đó nợ gốc là 19.887.012 đồng, lãi là 28.399.927 đồng, phí phạt chậm trả lãi là 15.010.112 đồng, phí phạt vượt hạn mức là 2.978.805 đồng. Buộc bà N tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 30/7/2024 cho đến khi thanh toán dứt nợ, theo mức lãi suất quy định tại Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng Quốc tế K số 0078/18/TC/1913-03994 ngày 24/8/2018.

Ông Nguyễn Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà Mai Thị Bích N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản và quyết định tố tụng hợp lệ nhưng bà N vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Bà N cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng, bị đơn có nơi cư trú tại xã L, huyện G, tỉnh Long An. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

[1.2] Sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hiệu lực của hợp đồng: Ngày 24/8/2018, bà Mai Thị Bích N ký Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng Quốc tế K số 0078/18/TC/1913-03994, đề nghị Ngân hàng thương mại cổ phần K cấp tín dụng qua Thẻ tín dụng và được Ngân hàng chấp nhận, đồng ý cấp tín dụng với số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất là 22%/năm, ngoài ra còn thỏa thuận phí phạt chậm trả, phạt vượt hạn mức. Nội dung thỏa thuận của các bên không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ theo Điều

117, Điều 3 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì hợp đồng tín dụng có tiêu đề “Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng Quốc tế K” số 0078/18/TC/1913-03994 giữa Ngân hàng và bà N có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Thực hiện hợp đồng: Ngày 10/9/2018, Ngân hàng đã giải ngân số vốn vay 20.000.000 đồng cho bà Mai Thị Bích N theo Giấy xác nhận mã pin cùng ngày. Sau khi được cấp tín dụng thì bà N đã sử dụng vốn trong thẻ và đến nay chưa hoàn trả lại số vốn đó cho Ngân hàng nên bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện, buộc bà N trả nợ là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.3] Về nợ gốc và lãi: Ngân hàng xác định, đến ngày 29/7/2024, bà N còn nợ 66.275.856 đồng, trong đó nợ gốc là 19.887.012 đồng, lãi là 28.399.927 đồng, phí phạt chậm trả lãi là 15.010.112 đồng, phí phạt vượt hạn mức là 2.978.805 đồng. Các khoản lãi, phí này được tính toán phù hợp dư nợ gốc, ngày chậm trả nợ của bà N và mức lãi suất thỏa thuận giữa các bên, phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị định số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[2.4] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các Thông báo, Quyết định tố tụng hợp lệ cho bà N nhưng bà N không phản hồi đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Bà N cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là không có căn cứ.

[3] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bà Mai Thị Bích N trả lại nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, tính đến ngày 29/7/2024, là 66.275.856 đồng, buộc bà N tiếp tục trả lãi phát sinh cho Ngân hàng kể từ ngày 30/7/2024 theo thỏa thuận giữa các bên cho đến khi trả xong nợ.

[4] Về án phí: Bà Mai Thị Bích N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 3, 117, 401, 463, 466 của Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị định số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K đối với bị đơn bà Mai Thị Bích N.

Buộc bà Mai Thị Bích N trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng thương mại cổ phần K tính đến ngày 29/7/2024, theo Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng Quốc tế K số 0078/18/TC/1913-03994 ngày 24/8/2018, là 66.275.856 đồng, trong đó nợ gốc là 19.887.012 đồng, lãi là 28.399.927 đồng, phí phạt chậm trả lãi là 15.010.112 đồng, phí phạt vượt hạn mức là 2.978.805 đồng.

Kể từ ngày 30/7/2024 cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, bà Mai Thị Bích N còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh, theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng Quốc tế K số 0078/18/TC/1913-03994 ngày 24/8/2018.

2. Về án phí: Bà Mai Thị Bích N chịu 3.313.793 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền tạm ứng án phí 1.400.000 đồng theo Biên lai thu số 0011298 ngày 27/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THA huyện Cần Giuộc;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tô Cẩm Hương